

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 27/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài;

Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán.

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Mai

2/ Ông Vũ Đức Chung.

3/ Ông Nguyễn Hữu Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và điểm cầu thành phần phòng trực tuyến Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 03/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2024/QĐXXST-HS ngày 13/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Công T1** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/01/2000 tại huyện X, tỉnh N Định. Nơi thường trú: Xóm 7, xã XP, huyện X, tỉnh N Định. Nơi ở hiện tại: Số nhà 033A, đường L, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân trước khi phạm tội tốt.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/01/2024, tạm giam từ ngày 25/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt

2. Họ và tên: **Hoàng Văn T2** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 31/7/1998 tại huyện M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Đội 9 thôn N, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Hoàng Văn H, sinh năm

1976 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; Bị cáo có vợ là Đào Thị H, sinh năm 2002, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/01/2024, tạm giam từ ngày 25/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T2:** Ông Lê Thanh H – Văn phòng luật sư Cao Hùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: 019B L, phường K, thành Phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- **Người chứng kiến:** Ông Đặng Văn P, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số nhà 055A, đường N, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Vào hồi 02 giờ 00 phút ngày 16/01/2024, Công an thành phố L tiến hành kiểm tra Phòng Víp 1 quán Karaoke Diamod có địa chỉ tại tổ 5, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai phát hiện bắt quả tang Nguyễn Công T1, sinh năm 2000, thường trú: Xóm 7, xã XP, huyện X, tỉnh N Định; Trần Đức N, sinh năm 1993, nơi thường trú: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nguyễn Thị T, sinh năm 2000, nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Đặng Thị T, sinh năm 2006, nơi thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai về hành vi: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 tờ tiền mệnh giá 02 dollar bên trong chứa chất bột khô màu trắng; 01 gói giấy bên trong gồm: 01 mảnh viên nén trắng không định hình, 02 túi nilon mép miết bên trong đều chứa các cục tinh thể rắn màu trắng, 01 túi nilon mép miết chứa 01 mảnh viên nén màu xám không định hình. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T1, N, T và T3 về hành vi: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 01 tờ tiền mệnh giá 02 dola và 10.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE cũ, kèm thẻ sim và 01 túi giả da màu đen cũ của T1; 01 điện thoại di động IPHONE cũ và của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE cũ, kèm thẻ sim của T3.

Về nguồn gốc ma túy: T1 khai, đối với 06 viên ma túy (màu xám), T1 mua của người tên Hi An không biết tên, T1 đã sử dụng hết 05 viên, còn lại 01 viên ngày 16/01/2024 mang đến phòng VIP 1 Diamond đã sử dụng, còn lại 01 mảnh có khối lượng là 0,434 gam MDMA. Đối với 01 uồn ma túy “Ke” và 35 viên ma túy “Kẹo” T1 khai mua của T2 về để sử dụng. T1 đã sử dụng hết 27 viên, còn lại 08 viên bị thu giữ khi khám xét. Còn 01 uồn ma túy “Ke”, T1 đã chia làm nhiều túi nhỏ, không nhớ chia được bao nhiêu túi (T1 đã sử dụng chỉ còn lại 02 túi mang đến phòng Víp 1 Diamond để sử dụng) thì bị bắt; T1 khai nhận số ma túy bị thu giữ là do T1 mua của Hoàng Văn T2 sinh năm 1998, thường trú: Đội 9 thôn Nghĩa, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội về để sử dụng.

Mở rộng điều tra, ngày 19/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành Phố L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T2 (có địa chỉ trên), Thu giữ: 06 túi nilon mép miết bên trong đều chứa các viên nén, 04 túi nilon mép miết bên trong đều chứa các cục tinh thể rắn màu trắng và 01 hộp màu cam cũ đã qua sử dụng, 01 cân điện tử, 20 túi nilon mép miết màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, cũ đã qua sử dụng, kèm thẻ sim.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Khoảng cuối tháng 5/2023, T1 gặp người bạn tên là Ngọc (*không rõ địa chỉ*) xin số điện thoại của người bán ma túy, Ngọc bảo T1 gọi điện đến số thuê bao 0828084417, T1 gọi điện người này bảo không có ma túy và cho T1 số điện thoại 0973843408. T1 gọi điện đặt mua 06 viên ma túy “Kẹo” giá 3.000.000 đồng và gửi địa chỉ chỗ ở cho người bán ma túy. Ngày hôm sau có một người đến đưa cho T1 01 hộp giấy bọc kín, T1 trả 3.000.000 đồng cho người này, hộp giấy bên trong có 01 túi nilon mép miết chứa 06 viên ma túy “Kẹo” (*màu xám*), T1 cất giấu tại nơi ở của mình và nhiều lần lấy ra sử dụng hết 05 viên, còn lại 01 viên.

Đến đầu tháng 12 năm 2023 do quen biết với Hoàng Văn T2 từ trước, T1 liên hệ qua ứng dụng Telegram hỏi mua 01 “uốn” ma túy Ke và 35 viên ma túy “Kẹo” mục đích sử dụng. T2 nói giá 01 “uốn” ma túy Ke là 16.100.000 đồng và 35 viên Kẹo giá 180.000 đồng/01 viên, T1 đồng ý mua. Ngày 08/12/2023, T2 liên hệ qua ứng dụng Telegram với tài khoản “*Vùng Kem*” mua 01 “uốn” ma túy Ke và 35 viên ma túy “Kẹo” bán cho T1 để kiếm tiền chênh lệch. Người bán đồng ý bán số ma túy trên với tổng số tiền là 12.250.000 đồng, T2 gửi địa chỉ của mình cho người bán ma túy. Đến ngày 09/12/2023, người bán chụp ảnh vị trí cất giấu 01 hộp giấy chứa ma túy gần địa chỉ của T2 và bảo T2 đến lấy ma túy thì để lại 12.250.000 đồng. T2 đem 12.250.000 đồng để ở vị trí giấu ma túy rồi cầm hộp giấy chứa ma túy về nhà rồi yêu cầu T1 chuyển số tiền 22.400.000 đồng cho T2. Cùng ngày 09/12/2023, T1 sử dụng tài khoản Ngân hàng BIDV chuyển 22.400.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng MBbank cho T2, gọi điện cho người bạn tên H2 nhờ mang ma túy về Lào Cai cho T1. Sau đó T1 gọi điện cho T2 bảo đưa hộp giấy chứa ma túy cho bạn tên H2 và gửi địa chỉ của H2 cho T2. T2 cầm hộp giấy chứa ma túy đi xe ôm đến khu vực Bến xe Mỹ Đình đưa cho H2, do H2 có việc không về Lào Cai nên gọi điện báo. T1 một mình đi xe ô tô khách qua sự hướng dẫn của H2, T1 vào phòng nghỉ do H2 thuê trước đó (*không nhớ cụ thể địa chỉ*) thấy trên bàn có 01 hộp giấy, mở ra bên trong có 01 túi nilon mép miết chứa ma túy “Ke” và 01 túi nilon mép miết chứa 35 viên ma túy “Kẹo” (*màu trắng*). T1 bỏ hộp giấy, cho ma túy vào túi giả da mang theo rồi đi xe khách về Lào Cai, cất giấu cùng với 01 viên ma túy “Kẹo” (*màu xám*) còn lại tại nơi ở của mình. Tại đây T1 chia ma túy “Ke” vào các túi nilon mép miết và

nhiều lần lấy ra sử dụng (*không nhớ số lần và số lượng đã sử dụng*), còn lại 03 túi ma túy “Ke” và 12 viên ma túy “Kẹo”.

Tối ngày 15/01/2024, T1 lấy 04 viên ma túy “Kẹo” (03 viên màu trắng, 01 viên màu xám) và 03 túi ma túy “Ke” đem đến quán Karaoke Diamond T1 gặp Trần Đức N và rủ N sử dụng ma túy, N đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 16/01/2024, T1 thuê Phòng VIP 1 Diamond rồi gọi điện cho Nguyễn Thị T và bảo T rủ thêm một bạn nữ nữa đến cùng, T đồng ý. T1 lấy ra 01 túi nilon chứa 04 viên ma túy “Kẹo”, lấy 01 viên bẻ một mảnh tự sử dụng, sau đó đưa túi ma túy “Kẹo” cho N tự lấy sử dụng. Một lúc sau T cùng bạn là T3 đến cũng tự lấy ma túy “Kẹo” để sử dụng. Sau đó T1 lấy ra 01 túi nilon chứa ma túy “Ke” đổ lên mặt tờ tiền 02 USD, dùng cạnh bật lửa nghiền nhỏ rồi bật lửa hơi nóng bên dưới và lấy 01 tờ tiền 10 nghìn đồng cuộn tròn, một đầu cho ma túy “Ke” vào trên mặt tờ tiền, còn một đầu đưa lên mũi hít mạnh, sau đó N, T và T3 đều lần lượt tự sử dụng ma túy “Ke” giống như T1. Số ma túy còn lại T1 cho vào trong 01 tờ giấy ăn rồi cất trong hộc đèn phía trên trần nhà của Phòng hát VIP 1. Đến khoảng 02 giờ ngày 16/01/2024, bị lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang.

Hoàng Văn T2 khai nhận: Cuối tháng 12 năm 2023, liên hệ qua ứng dụng Telegram với tài khoản “*Vững Kem*” đặt mua 200 gam ma túy “Ke” với giá 65.000.000 đồng và 250 viên ma túy “Kẹo” giá 100.000 đồng/01 viên hết 25.000.000 đồng và trả thêm 10.000.000 đồng tiền phí vận chuyển, tổng cộng là 100 000 000 đồng, T2 chuyển trước 10.000.000 đồng tiền đặt cọc và 120.000 đồng tiền công nhờ một người phụ nữ ở đường (*không biết tên tuổi địa chỉ*) chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của “*Vững Kem*”. Ngày hôm sau, theo chỉ dẫn T2 mang 90.000.000 đồng để ở vị trí cất giấu ma túy rồi cầm hộp giấy chứa ma túy về, bên trong có 04 túi nilon mép miết chứa ma túy “Ke” và 01 túi nilon miết mép chứa 250 viên ma túy “Kẹo” (*chủ yếu là viên màu trắng và vài viên màu xanh, không nhớ rõ cụ thể*), T2 dùng cân chia ma túy “Ke” vào nhiều túi nilon miết mép (*không nhớ số lượng túi*) và cất giấu tại phòng ngủ của mình, hàng ngày T2 lấy ra tự sử dụng (*không nhớ cụ thể số lần và số lượng đã dùng*). Đến ngày 19/01/2024, bị Công an khám xét thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 66/KL-GĐMT ngày 22/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận đối với các mẫu chất bột khô, màu trắng; các mảnh viên nén không định hình màu trắng và xám; các cục tinh thể rắn màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Công T1 ngày 16/01/2024 tại Phòng Vip 1, quán Karaoke Diamond thuộc tổ 5, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai có tổng khối lượng 1,561 gam là loại chất ma túy Ketamine và 0,695 gam loại chất ma túy MDMA.

Tại bản Kết luận giám định số 67/KL-GĐMT ngày 22/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận đối với mẫu các viên nén màu trắng, không định hình có đặc điểm giống nhau thu giữ khi khám xét khẩn cấp

chỗ ở của Nguyễn Công T1 ngày 16/01/2024 tại số nhà 033A, đường L, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai có tổng khối lượng 3,278 gam là loại chất ma túy MDMA.

Tại bản Kết luận giám định số 70/KL-GĐMT ngày 24/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận đối với mẫu các viên nén màu trắng và xanh; các cục tinh thể rắn màu trắng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T2 ngày 19/01/2024 tại thôn Nội, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội có tổng khối lượng 156,82 gam là loại chất ma túy Ketamine và 77,513 gam loại chất ma túy MDMA.

Tại Công văn số 277/CV-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định khối lượng trung bình của 01 viên ma túy MDMA trong tổng số 08 viên ma túy MDMA thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Công T1 là 0,409 gam.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2024 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Công T1 phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Truy tố bị cáo Hoàng Văn T2 phạm tội: “*Tràng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 249 BLHS và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Công T1 07 năm đến 08 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng theo điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T1 07 năm đến 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T1 chấp hành chung hai tội là 14 năm đến 16 năm tù, không áp dụng phạt bổ sung với bị cáo T1. Đồng thời áp dụng Điều 325 BLTTHS rút điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS với bị cáo T1 (T1 tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS).

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 15 năm đến 16 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng theo điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T2 08 năm đến 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Áp dụng Điều 55 BLHS về tổng hợp hình phạt buộc bị

cáo T2 phải chấp hành chung cho hai tội là 23 đến 25 năm tù, áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS đề nghị phạt bổ sung 10. 000 đồng đối với bị cáo T2.

Vật chứng Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy số vật chứng là ma túy còn lại sau giám định (theo biên bản giao nhận vật chứng số 33 ngày 31/5/2024 tại kho cơ quan Cục thi hành án) tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động thu của T1 và 01 điện thoại di động thu của T2 do đã dùng làm công cụ phạm tội. Các vật chứng khác xử lý theo quy định của pháp luật. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T2 trình bày lời bào chữa; Do T2 Là người nghiện ma túy, bị cáo là lao động chính trong gia đình và có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T2 15 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng theo điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T2 07 đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo T2 phải chấp hành chung cho hai tội là 22 đến 23 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T2.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Công T1 và Hoàng Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, chứng cứ xác định hành vi phạm tội với các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công T1 và Hoàng Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội khi bắt quả tang với T1 và biên bản khi khám xét thu giữ lượng ma túy tại nơi ở của cả T1 và lời khai, biên bản

khám xét nơi ở của T2, các kết luận giám định về ma túy, cũng như lời khai của những người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo;

[2.1] Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo T1:

Bị cáo T1 thừa nhận do đã có sẵn số ma túy mua được trước đó của người tên là Hi An; Nên vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 16/01/2024, T1 mang theo ma túy trong người đến phòng VIP1 quán Karaoke Diamod địa chỉ, tại tổ 5, phường L, thành Phố L, T1 thuê phòng VIP1 để tổ chức cho 03 người là Trần Đức N, Nguyễn Thị T, Đặng Thị T3 đến sử dụng trái phép chất ma túy cùng T1 (hình thức sử dụng nuốt ma túy “kẹo” và cùng hít ma túy “ke”) thì bị Công an thành Phố L kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy sử dụng còn lại tại phòng VIP1 gồm; 1,5651gam Ketamine và 0,695 gam MDMA. T1 thừa nhận là người trực tiếp cung cấp chất ma túy, tự chuẩn bị địa điểm, các điều kiện, công cụ cần thiết cho việc tổ chức sử dụng ma túy như; (bật lửa, các tờ tiền để hơ, cuộn làm ống hít, nghiền chế nhỏ ma túy ra bột) và trực tiếp rủ N, T và T3 cùng đến với mục đích để sử dụng ma túy với T1; Như vậy, hành vi nêu trên của T1 đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ (số ma túy mà T1, N, T và T3 đã sử dụng hết không xác định được khối lượng nên không đề cập xử lý, số ma túy này còn lại bị thu giữ tại phòng VIP1 được xác định đang trong cùng lúc sử dụng xử lý theo cùng tội danh) là phù hợp.

[2.2] Về hành vi các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy:

[2.2.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Công T1: Là người nghiện ma túy để có ma túy sử dụng. T1 khai nhận, vào tháng 12 năm 2023 T1 liên hệ với Hoàng Văn T2 và mua 01 “uần” ma túy Ke và 35 viên ma túy “Kẹo”; Sau khi mua được ma túy từ T2, T1 mang về cất giấu tại nơi ở của mình. Mục đích để sử dụng dần. T1 đã sử dụng hết 27 viên, còn lại 08 viên bị cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nơi ở có khối lượng 3,278 gam MDMA.

Quá trình điều tra, tại Công văn số 277/CV-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định khối lượng trung bình của 01 viên trong tổng số 08 viên ma túy MDMA là 0,409 gam. Như vậy khối lượng ma túy của 27 viên T1 đã sử dụng là $x 0,409 \text{ gam} = 11,043 \text{ gam}$. Tổng khối lượng của 35 viên là: $(11,043 \text{ gam} + 3,278 \text{ gam}) = 14,321 \text{ gam}$ MDMA và chỉ có một chất ma túy là MAMD; Với hành vi nêu trên của bị cáo T1 đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS nên buộc T1 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy tăng trữ là 14,321 gam MDMA là đúng quy định. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo T1 với tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự “*Có 02 chất ma túy trở lên.*” là chưa chính xác (Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện VKSND đã rút điểm n truy tố T1 theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS) căn cứ

theo quy định tại khoản 2 Điều 298; Điều 306 và 325 BLHS là phù hợp cần chấp nhận.

[2.2.2] Đối với bị cáo Hoàng Văn T2: Cũng do nghiện ma túy, nên vào khoảng tháng 12/2023, T2 liên hệ qua mạng xã hội Telegram với người có tài khoản là “*Vững Kem*” để mua ma túy về sử dụng cho bản thân, T2 mua được 02 “lệnh” ma túy Ke và 250 viên ma túy kẹo với tổng số tiền 100.000.00 đồng. Khi nhận được ma túy, T2 mang về chia ma túy Ke ra thành 4 túi và cất giấu cùng 250 viên ma túy kẹo tại nơi ở của mình. Mục đích sử dụng dần và hàng ngày T2 lấy ra sử dụng. Đến ngày 19/01/2024 Cơ quan điều tra khi khám xét khẩn cấp nơi ở đã thu giữ được 156,82 gam Ketamine và 77,513 gam MDMA T2 thừa nhận đều là ma túy của T2 (như nêu trên).

Về khối lượng hai chất ma túy thu giữ nên trên của T2, theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy đổi để tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy thì: 77,513 gam MDMA là chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS; (156,82 gam Ketamine) thuộc các chất ma túy khác theo điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự, để xác định khối lượng tối thiểu của từng chất ma túy cần quy đổi thì: Tỷ lệ của 156,82/300 Ketamine là 52,273%; Như vậy, khối lượng của 02 chất ma túy theo tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó*” được xác định: 77,513 % MDMA + 52, 273 % = 129,750 % MDMA là (trên 100%) T2 phải chịu theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2.3] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo T2;

Quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa, T2 thừa nhận, vào khoảng tháng 12/2023, do hám lợi nhuận từ việc bán ma túy trái phép, nên sau khi T1 hỏi mua ma túy, T2 nhận lời và liên hệ qua mạng xã hội Telegram với người có tên tài khoản là “*Vững Kem*” mua được 01 “uẩn” ma túy Ke và 35 viên ma túy “Kẹo” với giá 12.250.000 đồng, sau đó T2 bán lại cho T1 số ma túy này với giá 22.400.000 đồng (kiếm lời 10. 150 000đ). Tại phiên tòa và các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ T1 đều thừa nhận số ma túy gồm 1,561 gam Ke và 35 viên ma túy kẹo (T1 đã sử dụng hết 27 viên còn 08 viên thu giữ khi khám xét và số ma túy “ke” thu giữ ở phòng VIP1) có khối lượng là 14,321 gam MDMA + (1,561 gam Ke quy đổi = 0,520% MDMA) tổng là 14, 841 gam ma túy là mua của T2 (lời khai của T2 và T1 đều phù hợp về thời gian mua, bán, phù hợp về chủng loại, số lượng viên ma túy của T2 (như nêu trên) Căn cứ Công văn số 277/CV-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định khối lượng trung bình của 01 viên ma túy MDMA là 0,409 gam. Như vậy hành vi của bị cáo T2 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “*Có 02 chất ma*

túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam quy định tại điểm i khoản này” là số căn cứ.

Từ những chứng cứ được đánh giá phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định; Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo T1 về 02 tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo T2 về 02 tội “*tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điều luật được viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ tội phạm và hình phạt với các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; Các bị cáo có nhận thức pháp luật, biết và nhận thức rõ việc Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tổ chức sử dụng, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Nhưng T1 đã cố ý tổ chức cho 03 người sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép 14,321 gam MDMA; T2 cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 129,750 gam MDMA và mua bán trái phép 14,841gam ma túy MDMA với T1. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm hình sự khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc và áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo để các bị cáo có thời gian cải tạo, cai nghiện và làm bài học giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo Nguyễn Công T1, Hoàng Văn T2 trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt nên không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Công T1, Hoàng Văn T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội, do vậy các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.3] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện tài sản, thu nhập của các bị cáo thấy rằng hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đối với bị cáo T1 xuất phát từ sự thỏa mãn ham muốn do nghiện ma túy, không có tính vụ lợi, nên miễn hình phạt bổ sung; Tuy nhiên hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đối với bị cáo T2 nhằm mục đích vụ lợi từ việc phạm tội mà có, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo T2 là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Cũng từ đánh giá phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về mức hình phạt đối với các bị cáo T1 và T2, cũng như ý kiến của người bào chữa đề nghị xử phạt đối với bị cáo T2 (như viện dẫn phần trên) là chưa phù hợp, chưa tương xứng đúng với tính chất,

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên không được chấp nhận.

[4] Về vật chứng qua xét hỏi làm rõ tại phiên tòa cần:

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10,150 000 đồng của T2 do phạm tội mua bán trái phép chất ma túy với T1 mà có.

- Đối với vật chứng là số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau trích mẫu giám định cần tịch thu tiêu hủy gồm; 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai dán kín. Thu giữ ngày 16/01/2024 tại phòng Víp 1, quán Kraoke Diamond; 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai được niêm phong dán kín là "Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của T1 ngày 16/01/2024 tại số nhà 033A; 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai dán kín là "Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của T2 tại thôn Nội, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 19/01/2024".

- Đối với các vật chứng khác chuyển theo vụ án vụ án như: 01 túi giả da màu đen đã qua sử dụng, 01 hộp màu cam đã cũ, 01 cân điện tử đã qua sử dụng, 20 chiếc túi nilon có mép miết màu đỏ. Do không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo T1 và T2 dùng phương tiện phạm tội và 02 tờ tiền thu giữ của T1 gồm (01 tờ tiền Đôla Mỹ mệnh giá 2 USD; 01 tờ tiền Việt N mệnh giá 10 000 đồng) đã dùng làm công cụ phạm tội (*Vật chứng được mô tả theo như biên bản giao, nhận vật chứng số 33 ngày 31/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai*) và (theo biên bản giao nhận tài sản số 25 ngày 22/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

[5] Đối với những người liên quan khác trong vụ án như: Trần Đức N, Nguyễn Thị T, Đặng Thị T3 do là người được T1 rủ đến để tổ chức sử dụng trái phép ma túy. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xử phạt hành chính đối với bà Đỗ Hồng Hạnh “Người đứng đầu quản lý cơ sở karaoke” là đúng quy định;

Những người có tên: Hi An, Ngọc, Vành, Linh, Phử và H2 bị cáo T1 khai là người bán, giao ma túy và giới thiệu địa chỉ mua ma túy, cầm hộ ma túy cho T1. Quá trình điều tra không xác định rõ danh tính, hành vi liên quan đến ma túy do vậy không có cơ sở để xử lý trong cùng vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Hoàng Văn T2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 07 (bảy) năm tù về “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 06 (sáu) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Công T1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 (*mười ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 16/01/2024.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 17 (*mười bảy*) năm tù về tội “*Tràng trữ trái phép chất ma túy*”. Điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Hoàng Văn T2 09 (*chín*) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 26 (*hai mươi sáu*) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 19/01/2024.

Tuyên phạt bổ sung 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng đối với Hoàng Văn T2 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nộp ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Truy thu của Hoàng Văn T2 số tiền 10.150.000 đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) là tiền do phạm tội mà có.

* Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai dán kín. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của các bên tham gia tham gia niêm phong, hình dấu thu nhỏ màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai và được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt của bì niêm phong có ghi dòng chữ nội dung: “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Công T1, Trần Đức N, Nguyễn Thị T, Đặng Thị Pháy ngày 16/01/2024 tại phòng Vip 1, quán Kraoke Diamond thuộc tổ 5, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai (mẫu M2, mẫu M3, mẫu M4 và mẫu M5)”. Niêm phong còn nguyên vẹn đúng quy định (Bên trong bì niêm phong có chứa 1,322 gam chất Ketamine; 0,49 gam chất ma túy MDMA còn lại sau trích mẫu, các mảnh giấy, các túi nilon mép miết và bì niêm phong ban đầu gửi giám định).

- 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai được niêm phong dán kín. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên tham gia niêm phong; hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai và được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt của bì niêm phong có ghi dòng chữ nội dung: "Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Công T1 ngày 16/01/2024 tại số nhà 033A, đường L, phường L, thành Phố L, tỉnh Lào Cai". Niêm phong còn nguyên vẹn đúng quy định. (Bên trong chứa 2,945 gam chất ma túy MDMA sau trích mẫu, túi nilon miết mép và bì niêm phong ban đầu gửi giám định).

- 01 bì thư in sẵn của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai dán kín lại. Trên một mặt tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu thu nhỏ màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Lào Cai và được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Mặt còn lại của bì niêm phong có ghi dòng chữ: "Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của Hoàng Văn T2 tại thôn Nội, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 19/01/2024". Niêm phong còn nguyên vẹn đúng quy định (Bên trong có chứa 69,093 gam chất ma túy MDMA; 152,558 gam chất ma túy Ketamine sau trích mẫu, các túi nilon mép miết, các mảnh giấy và bì niêm phong ban đầu gửi giám định) và 01 túi giả da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng; 01 hộp màu cam đã cũ, đã qua sử dụng; 01 cân điện tử đã qua sử dụng; 20 túi nilon có mép miết màu đỏ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước công cụ các bị cáo dùng phạm tội gồm: 01 tờ tiền Đôla Mỹ mệnh giá 2 USD có mã số hiệu B54724416A; 01 tờ tiền Việt N mệnh giá 10 000 đồng có mã số hiệu NY19531864; 01 điện thoại IPHONE số IMEI: 355748074026142 đã qua sử dụng, kèm thẻ sim của Nguyễn Công T1 và 01 điện thoại IPHONE số IMEI: 358165606395902 đã qua sử dụng, kèm thẻ sim của Hoàng Văn T2.

(Vật chứng được mô tả theo như biên bản giao, nhận vật chứng số 33 ngày 31/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai) và (theo biên bản giao nhận tài sản số 25 ngày 22/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và kho ba nhà nước tỉnh Lào Cai).

* **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Công T1 và Hoàng Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bộ CHQS tỉnh;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài